TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ TỔ: ANH VĂN 9

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TƯ HỌC TIẾNG ANH 9 TUÂN 7 &8 (18/10 → 29/10)

TOPIC 3 : TYPES OF CLOTHING (SGK Unit 2)

A.Vocabulary:

design (n),(v)	: thiết kế	
designer (n)	: nhà thiết kế	
economic (a)	: kinh tế	
embroider (v)	: thêu	
encourage (v)	: khuyến khích	
encouragement (n)		
fashion (n)	: thời trang	
fashionable (a)		
unfashionable (a)	: không hợp thời trang	
fashinonably (adv)		
inspire(n)	: nguồn cảm hứng	
inspiration (n)		
poet (n)	: nhà thơ	
symbol (n)	: biểu tượng	

Grammar:

Passive form: (dạng bị động)

1. Simple present:

Am / is / are + V ed / V3

2. Simple Past :

Was / were + Ved / V3

3. Simple Future :

Will be + Ved / V3

4. Present perfect :

Have / has + Ved / V 3

5. Modal Verb :

Modal verb + be + Ved / V 3

Ex : My mother often gives me money.

 \rightarrow I'm often given money by my mother.

EXERCISES - BÀI TẬP HỌC SINH TỰ LUYỆN TẠI NHÀ

Passive voice:

- People wear jeans in public. Jeans ______
 This designer introduced a new style of jeans yesterday. A new ______
 Shakespeare wrote many kinds of books long ago. Many kinds of ______
 Nobody cleans the house everyday. The house _______
 Somebody broke my vase last night. My vase _______
- Marconi invented radio in the 18th century.
 Radio ______
- They should collect a lot of paper for recycling.
 A lot of paper _____
- No one has bought this house for long.
 This house ______

Multiple choice

- 1. Designers have taken inspiration ______ their childhood or villages. (in / on / from / to)
- 2. _____ addition to news, you can enjoy different programs. (In / To / On / At)
- 3. This boy is named _____ his Dad. (on / to / from / after)
- 4. I think this shirt is ______ fashion. (in / out of / in to / up to)
- 5. Do you feel comfortable ______ work? (at / in / to / from)
- 6. I ______ her since last year. (have know / have known / knew / know)
- 7. Women usually wear Ao-dai ______ special occasions. (at / to / on / for)
- 8. This exercise must _____ carefully (be done / do / did / to do)
- 9. Please let my children ______ what they want. (done / do / doing / to do)
- 10. It's the time we ______ a bus. (catch / to catch / caught / have caught)

PHIẾU HỖ TRỢ HỌC SINH TỰ HỌC TẠI NHÀ

TRƯỜNG : THCS NGUYỄN HUỆ Q4

LÓP :

HỌ TÊN :

MÔN ANH	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HS